HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 94/2017/NQ-HĐND	*Quảng Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thí điểm áp dụng một số chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 8986/TTr-UBND ngày 30/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiền lương đối với người hợp đồng làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 06/12/2017 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc thí điểm áp dụng một số chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, phê duyệt;

2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

Các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

Những trường hợp làm việc theo chế độ hợp đồng thời vụ; hợp đồng thuê khoán, dịch vụ không thuộc đối tượng áp dụng chính sách này.

Điều 3. Về một số chính sách thí điểm áp dụng

1. Về chính sách tiền lương

Đối tượng quy định tại điều 2 được áp dụng chế độ tiền lương theo thang, bảng lương chuyên môn nghiệp vụ và các chế độ phụ cấp lương; được xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp lương (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được thăng hạng chức danh nghề nghiệp; được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế bắt buộc; được áp dụng mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ để tính tiền lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương.

Tiền lương theo ngạch, bậc và các chế độ phụ cấp lương (nếu có) của đối tượng quy định tại điều 2 là căn cứ để ký kết hợp đồng lao động, đóng và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Về một số chính sách khác

Đối tượng quy định tại điều 2 được tham dự các chương trình bồi dưỡng bổ sung, cập nhật kiến thức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và được xem xét quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh quản lý nếu đảm bảo điều kiện, tín nhiệm.

Điều 4. Bãi bỏ Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ kinh phí chi trả tiền công và các khoản đóng góp theo tiền công cho giáo viên hợp đồng lao động đạt chuẩn đào tạo trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát vị trí, số lượng, đối tượng áp dụng chính sách và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/12/2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018 tới thời điểm có quy định mới của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ: Nội vụ, Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể của tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo QN, TT Thông tin;
- Lưu VT, VX3.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Văn Đọc